

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**LÝ LỊCH KHOA HỌC**

*(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)*



**1. Thông tin chung**

- Họ và tên: NGUYỄN PHÚ LỘC
- Năm sinh: 11/01/1957
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): Tiến sĩ (2007), Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Chức danh Giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): Giáo sư, năm bổ nhiệm: 2021, Nơi bổ nhiệm: Trường Đại học Cần Thơ

- Ngành, chuyên ngành khoa học: ngành Giáo dục học, chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học Bộ môn Toán

- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại: Giảng viên cao cấp, Trường Đại học Cần Thơ.

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng bộ môn

- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo):  
Tham gia thành viên Hội đồng cơ sở năm 2012, 2013, 2014, 2015, cơ sở Trường Đại học Cần Thơ

- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
.....

- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ):  
.....

**2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu** *(thuộc chuyên ngành đang hoạt động)*

**2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình**

a) Tổng số sách đã chủ biên: 10, sách chuyên khảo: 01; giáo trình: 05

b) Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất *(tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn)*.

1. Dương Hữu Tông, Nguyễn Phú Lộc & Bùi Phương Uyên (2018), *Giáo trình Phương pháp dạy học toán 1- Giáo dục tiểu học*, NXB Đại học Cần Thơ, ISBN9786049650635

## **2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học**

a) Tổng số đã công bố: 140; bài báo tạp chí quốc tế uy tín: 22

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

1. Dương Hữu Tông, **Nguyễn Phú Lộc**, Bùi Phương Uyên, Lê Thị Giang. **2019**. DEVELOPING THE COMPETENCY OF MATHEMATICAL MODELLING: A CASE STUDY OF TEACHING THE COSINE AND SINE THEOREMS. International Journal of Learning, Teaching and Educational Research. 11. 18-37. (Đã xuất bản)
2. Dương Hữu Tông, **Nguyễn Phú Lộc**, Bùi Phương Uyên, Trần Thị Ý. **2019**. INTEGRATING THE HISTORY OF MATHEMATICS INTO MATHEMATICS ED
3. Nguyễn Phú Lộc, Ngô Trúc Phương. 2019. ENHANCING PROBLEM SOLVING COMPETENCY FOR GRADE 5 STUDENTS IN SOLVING MATHEMATICS WORD PROBLEMS: A CASE OF USING “IDENTIFYING A PATTERN” PROBLEMS. Hội Thảo quốc tế lần thứ nhất về đổi mới đào tạo giáo viên\_ Đại học Giáo dục\_ ĐHQG Hà Nội-11\_2019. 01. 220-229. (Đã xuất bản)
4. Nguyễn Ngọc Sơn, Nguyễn Phú Lộc. 2019. SỬ DỤNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN TRONG DẠY HỌC VỀ ỨNG DỤNG CỦA TÍCH PHẦN TRONG HÌNH HỌC LỚP 12. TẠP CHÍ THIẾT BỊ GIÁO DỤC. SỐ 200 kỳ 1 - 9/2019. 39-41. (Đã xuất bản)
5. Trương Thủy Triều, Nguyễn Phú Lộc. 2019. VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁI RIÊNG VÀ CÁI CHUNG VÀO DẠY HỌC KHÁI NIỆM PHƯƠNG TRÌNH ĐƯỜNG TRÒN. TẠP CHÍ THIẾT BỊ GIÁO DỤC. SỐ 200 kỳ 1 - 9/2019. 42\_44, 118. (Đã xuất bản)
6. Bùi Bích Hà, Nguyễn Phú Lộc. 2020. DẠY HỌC PHƯƠNG TRÌNH VÀ HỆ PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT ĐẠI SỐ LỚP 10 BẰNG HÌNH THỨC DẠY HỌC DỰ ÁN. Thiết bị giáo dục. 229 kỳ 2. 6-8. (Đã xuất bản)
7. Lê Thị Thanh Nhân, Nguyễn Phú Lộc. 2020. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TƯ DUY TRONG DẠY HỌC BÀI “PHƯƠNG TRÌNH ĐƯỜNG TRÒN” - HÌNH HỌC LỚP 10. Thiết bị giáo dục. 229 kỳ 2. 18-20. (Đã xuất bản)
8. Dương Hoàng Tứ, Nguyễn Phú Lộc. 2020. DẠY HỌC CHỦ ĐỀ KHOẢNG CÁCH - HÌNH HỌC KHÔNG GIAN LỚP 11 THEO HƯỚNG TIẾP CẬN QUAN ĐIỂM KIẾN TẠO XÃ HỘI. Thiết bị giáo dục. Đặc Biệt. 55-57. (Đã xuất bản)
9. Nguyễn Quang Trí, Nguyễn Phú Lộc. 2020. VẬN DỤNG MÔ HÌNH 5E VÀO DẠY HỌC TOÁN. Thiết bị giáo dục. 214 kỳ 1. 15-17,26. (Đã xuất bản)
10. Trương Thủy Triều, Nguyễn Phú Lộc. 2020. VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁI RIÊNG VÀ CÁI CHUNG VÀO DẠY HỌC MỘT SỐ KHÁI NIỆM CỦA CHỦ ĐỀ PHƯƠNG TRÌNH ĐƯỜNG THẲNG. Thiết bị giáo dục. Đặc Biệt. 97-99. (Đã xuất bản)
11. Nguyễn Thị Mai Nhung, Nguyễn Phú Lộc. 2020. DẠY HỌC CẤP SỐ CỘNG - ĐẠI SỐ VÀ GIẢI TÍCH LỚP 11 THEO HƯỚNG TIẾP CẬN LÝ THUYẾT GIÁO DỤC TOÁN HỌC THỰC TIỄN. Thiết bị giáo dục. 226 kỳ 1. 37-39. (Đã xuất bản)
12. Dương Thị Thoa, Nguyễn Phú Lộc. 2020. DẠY HỌC ĐỊNH LÝ KHOẢNG CÁCH TỪ MỘT ĐIỂM ĐẾN ĐƯỜNG THẲNG HÌNH HỌC LỚP 10 THEO CÁCH TIẾP CẬN KIẾN TẠO XÃ HỘI. Thiết bị giáo dục. Đặc Biệt. 135-137. (Đã xuất bản)
13. Võ Thị Thu Thảo, Nguyễn Phú Lộc. 2020. SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP JIGSAW ĐỂ DẠY HỌC KHÁI NIỆM HÀM SỐ LIÊN TỤC TẠI MỘT ĐIỂM. Thiết bị giáo

- đục. 224 kỳ 1. 8-11. (Đã xuất bản)
14. Trần Huyền Trâm, Nguyễn Phú Lộc. 2020. VẬN DỤNG LÝ THUYẾT KIẾN TẠO NHẬN THỨC VÀO DẠY HỌC PHƯƠNG TRÌNH ĐƯỜNG TRÒN - HÌNH HỌC LỚP 10. Thiết bị giáo dục. Đặc biệt. 120-122. (Đã xuất bản)
  15. Nguyễn Phú Lộc, Ngô Tùng Hiếu. 2021. DẠY HỌC GIẢI CÁC BÀI TOÁN THỰC TẾ VỚI PHẦN MỀM TOÁN HỌC ĐỘNG: TRƯỜNG HỢP SỬ DỤNG PHẦN MỀM GEOGEBRA. Giáo dục toán học trong một thế giới thay đổi. . 176-194. (Đã xuất bản)
  16. Nguyễn Phú Lộc, Trương Hoàng Vinh, Nguyễn Văn Hồng. 2021. SỬ DỤNG CÁC BÀI TOÁN THỰC NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔ HÌNH HÓA TOÁN HỌC CHO HỌC SINH: TRƯỜNG HỢP DẠY HỌC CHỦ ĐỀ NGUYÊN HÀM, TÍCH PHÂN VÀ ỨNG DỤNG - GIẢI TÍCH 12. Giáo dục toán học trong một thế giới thay đổi. . 195-218. (Đã xuất bản)
  17. Nguyễn Thị Hồng Duyên, Nguyễn Phú Lộc. 2021. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ SỞ PHƯƠNG PHÁP LUẬN VỀ DẠY HỌC PHÉP NHÂN HAI SỐ TỰ NHIÊN CHO HỌC SINH TIỂU HỌC. Tạp chí Khoa học - ĐHSP Hà Nội-Khoa học Giáo dục. 66. 184-196. (Đã xuất bản)
  18. Thạch Ngọc Mỹ Duyên, Nguyễn Phú Lộc. 2021. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC HỢP TÁC VÀO DẠY HỌC SỐ VÀ PHÉP TÍNH Ở TOÁN 1 SÁCH CÁNH DIỀU. Thiết bị Giáo dục. 8-2021. 81-83. (Đã xuất bản)
  19. Huỳnh Nguyễn T. Hồng Lan, Nguyễn Phú Lộc. 2021. THIẾT KẾ TÌNH HUỐNG DẠY HỌC “TÍCH PHÂN” BẰNG CÁCH SỬ DỤNG KỸ THUẬT MẢNH GHEP. Thiết bị Giáo dục. 7\_2021. 345-347. (Đã xuất bản)
  20. Danh Huệ Minh, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC KHÁI NIỆM NGUYÊN HÀM THEO CÁCH TIẾP CẬN LÝ THUYẾT KIẾN TẠO XÃ HỘI. Thiết bị Giáo dục. 1-8-2021. 25-27. (Đã xuất bản)
  21. Nguyễn Hoàng Ngọc, Nguyễn Phú Lộc. 2021. VẬN DỤNG MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁI RIÊNG VÀ CÁI CHUNG VÀO DẠY HỌC GIẢI BÀI TẬP CHỦ ĐỀ PHƯƠNG TRÌNH ĐƯỜNG THẲNG TRONG KHÔNG GIAN. Thiết bị Giáo dục. kỳ 2 -8/2021. 41-42,122. (Đã xuất bản)
  22. Cao Thành Đạt, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC HÀM SỐ BẬC HAI – ĐẠI SỐ 10 THEO ĐỊNH HƯỚNG KẾT NỐI TOÁN HỌC VỚI THỰC TIỄN. Giáo dục và Xã hội. 8-2021. 196-200. (Đã xuất bản)
  23. Trần Hoài Bao, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC GÓC GIỮA ĐƯỜNG THẲNG VÀ MẶT PHẪNG THEO CÁCH TIẾP CẬN LÝ THUYẾT KIẾN TẠO NHẬN THỨC. Thiết bị Giáo dục. 249. 22-25,87. (Đã xuất bản)
  24. Ngô T. Hieu, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC GIẢI CÁC BÀI TOÁN THỰC TẾ TRONG CHƯƠNG TRÌNH TOÁN LỚP 10 VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA PHẦN MỀM GEOGEBRA. Thiết bị Giáo dục. 246. 22-24. (Đã xuất bản)
  25. Đỗ Gia Hiền An, Nguyễn Phú Lộc. 2021. SỬ DỤNG MÔ HÌNH 5E TRONG DẠY HỌC KHÁM PHÁ PHƯƠNG TRÌNH ĐƯỜNG TRÒN. Thiết bị Giáo dục. SỐ ĐẶC BIỆT. 45-47. (Đã xuất bản)
  26. Nguyễn Phạm Phi Oanh, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC CÔNG THỨC TÍNH KHOẢNG CÁCH TỪ MỘT ĐIỂM ĐẾN MỘT ĐƯỜNG THẲNG HÌNH HỌC 10 THEO HƯỚNG TIẾP CẬN LÝ THUYẾT HOẠT ĐỘNG. Thiết bị Giáo dục. 247. 49-51. (Đã xuất bản)
  27. Trịnh Tuấn Khoa, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC KHÁI NIỆM CẤP SỐ CỘNG LỚP 11 THEO HƯỚNG TIẾP CẬN LÝ THUYẾT HOẠT ĐỘNG. Giáo dục và Xã hội. SỐ ĐẶC BIỆT. 338-342,358. (Đã xuất bản)
  28. Châu Minh Ngẫu, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC CHỦ ĐỀ GIÁ TRỊ LỚN NHẤT GIÁ TRỊ NHỎ NHẤT-GIẢI TÍCH 12 THEO ĐỊNH HƯỚNG DẠY HỌC TÍCH HỢP. Thiết bị Giáo dục. 251. 21-23. (Đã xuất bản)
  29. Trần Huỳnh Mỹ Duyên, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC HỆ PHƯƠNG TRÌNH VÀ BẤT PHƯƠNG TRÌNH BẬC NHẤT TRONG ĐẠI SỐ 10 THEO CÁCH TIẾP

- CẬN LÝ THUYẾT GIÁO DỤC TOÁN HỌC THỰC TIỄN. Thiết bị Giáo dục. 246. 28-30. (Đã xuất bản)
30. Đào Duy Cang, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC CHỦ ĐỀ PHƯƠNG TRÌNH ĐƯỜNG TRÒN THEO HƯỚNG TIẾP CẬN LÝ THUYẾT HOẠT ĐỘNG. Thiết bị Giáo dục. SỐ ĐẶC BIỆT. 119-121. (Đã xuất bản)
  31. Vũ Quốc Thịnh, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC BÀI TOÁN TÌM GIAO TUYẾN TRONG HÌNH HỌC KHÔNG GIAN LỚP 11 VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA PHẦN MỀM GEOGEBRA. Thiết bị Giáo dục. SỐ ĐẶC BIỆT. 368-370. (Đã xuất bản)
  32. Vũ Quốc Thịnh, Nguyễn Phú Lộc. 2021. DẠY HỌC GIẢI BÀI TẬP VỀ GÓC VỚI ĐƯỜNG TRÒN - LỚP 9 VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA PHẦN MỀM GEOGEBRA. Thiết bị Giáo dục. 247. 34-36. (Đã xuất bản)
  33. Nguyễn Phú Lộc, Ông Á Phong. 2022. RÈN LUYỆN CHO HỌC SINH VẬN DỤNG PHÉP PHÂN TÍCH VÀ TỔNG HỢP ĐỀ TÌM LỜI GIẢI CHO BÀI TOÁN HÌNH HỌC KHÔNG GIAN MÔN TOÁN LỚP 11. Thiết bị Giáo dục. 11-2022. 93-95. (Đã xuất bản)
  34. Nguyễn Phú Lộc, Trương Nguyễn Quốc Huy. 2022. PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC TƯ DUY VÀ LẬP LUẬN TOÁN HỌC CHO HỌC SINH KHÁ, GIỎI THÔNG QUA DẠY HỌC CHỦ ĐỀ BÁT ĐẲNG THỨC Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ. Thiết bị Giáo dục. 11-2022. 99-101. (Đã xuất bản)
  35. Nguyễn Thành Luân, Nguyễn Phú Lộc. 2022. VẬN DỤNG MÔ HÌNH 5E ĐỂ DẠY NỘI DUNG ỨNG DỤNG CẤP SỐ NHÂN VÀO GIẢI CÁC BÀI TOÁN THỰC TIỄN. Thiết bị Giáo dục. SỐ ĐẶC BIỆT. 109-111. (Đã xuất bản)
  36. Nguyễn Vũ Thanh, Nguyễn Phú Lộc. 2022. SỬ DỤNG MÔ HÌNH 5E VÀO DẠY HỌC CÔNG THỨC TÍNH KHOẢNG CÁCH TỪ MỘT ĐIỂM ĐẾN MỘT MẶT PHẪNG – HÌNH HỌC LỚP 12. Thiết bị Giáo dục. 2. 13-15. (Đã xuất bản)
  37. Phạm Ngọc Thùy, Nguyễn Phú Lộc. 2022. VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC KHÁM PHÁ TRONG DẠY HỌC ĐỊNH LÍ CÔSIN – HÌNH HỌC LỚP 10 VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA PHẦN MỀM GEOGEBRA. Thiết bị Giáo dục. SỐ ĐẶC BIỆT. 170-172. (Đã xuất bản)
  38. Nguyễn Phước Tín, Nguyễn Phú Lộc. 2022. THIẾT KẾ TÌNH HUỐNG DẠY HỌC KHÁM PHÁ KHÁI NIỆM GÓC GIỮA ĐƯỜNG THẲNG VÀ MẶT PHẪNG VỚI SỰ HỖ TRỢ CỦA PHẦN MỀM GEOGEBRA. Thiết bị Giáo dục. 2. 17-19. (Đã xuất bản)
  39. Trần Thị Ngọc Tuyên, Nguyễn Phú Lộc. 2022. TỔ CHỨC DẠY HỌC DỰ ÁN CHỦ ĐỀ “CẤP SỐ CỘNG” GÁN VỚI TÌNH HUỐNG THỰC TIỄN CHO HỌC SINH LỚP 11 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG. Thiết bị Giáo dục. SỐ ĐẶC BIỆT. 173-175. (Đã xuất bản)
  40. Nguyễn Xuân Thu, Nguyễn Phú Lộc. 2022. TRANG BỊ CÁC CHIẾN LƯỢC GIẢI CỐ TÍNH NÂNG CAO ĐỐI VỚI BÀI TOÁN TỔ HỢP GÓP PHẦN PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TOÁN HỌC CHO HỌC SINH KHÁ GIỎI. Thiết bị Giáo dục. 1. 41-43. (Đã xuất bản)
  41. Linh Việt Nhân, Nguyễn Phú Lộc. 2022. THIẾT KẾ TÌNH HUỐNG DẠY HỌC GIỚI HẠN CỦA HÀM SỐ TẠI VÔ CỰC THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC GIAO TIẾP TOÁN HỌC CHO HỌC SINH. Thiết bị Giáo dục. SỐ ĐẶC BIỆT 2. 97-99. (Đã xuất bản)
  42. Nguyễn Thành Thái, Nguyễn Phú Lộc. 2022. RÈN LUYỆN NĂNG LỰC KHÁI QUÁT HÓA CHO HỌC SINH TRONG DẠY HỌC GIẢI TOÁN HỆ THỨC LƯỢNG TRONG TAM GIÁC. Thiết bị Giáo dục. 2. 53-55. (Đã xuất bản) UCATION: A CASE STUDY OF TEACHING THE QUADRATIC EQUATIONS. Universal Journal of Educational Research. 7(11). 2454-2464. (Đã xuất bản)
  43. Dương Hữu Tông, Nguyễn Phú Lộc, Bùi Phương Uyên, Lê Thị Giang. 2019. DEVELOPING THE COMPETENCY OF MATHEMATICAL MODELLING: A

- CASE STUDY OF TEACHING THE COSINE AND SINE THEOREMS.  
International Journal of Learning, Teaching and Educational Research. 11. 18-37. (Đã xuất bản)
44. Dương Hữu Tông, Nguyễn Phú Lộc, Bùi Phương Uyên, Trần Thị Ý. 2019. INTEGRATING THE HISTORY OF MATHEMATICS INTO MATHEMATICS EDUCATION: A CASE STUDY OF TEACHING THE QUADRATIC EQUATIONS. Universal Journal of Educational Research. 7(11). 2454-2464. (Đã xuất bản)
  45. Nguyễn Phú Lộc, Dương Hữu Tông, Võ Khương Duy. 2019. USING THE INFORMATION PROCESSING THEORY INTO TEACHING MATHEMATICS: A CASE STUDY OF “VECTOR” CONCEPT. INTERNATIONAL JOURNAL OF SCIENTIFIC & TECHNOLOGY RESEARCH. VOLUME 8, ISSUE 09, SEPTEMBER 2019. 1612-1616. (Đã xuất bản)
  46. Nguyễn Phú Lộc, Ngô Trúc Phương. 2019. MATHEMATICAL REPRESENTATIONS: A STUDY IN SOLVING MATHEMATICAL WORD PROBLEMS AT GRADE 5 - VIETNAM. INTERNATIONAL JOURNAL OF SCIENTIFIC & TECHNOLOGY RESEARCH. VOLUME 8, ISSUE 10, OCTOBER 2019. 1876-1881. (Đã xuất bản)
  47. Nguyễn Phú Lộc. 2019. APPLYING PIAGET’S ADAPTIVE IDEA IN TEACHING MATHEMATICS: A TEACHING MODEL. INTERNATIONAL JOURNAL OF SCIENTIFIC & TECHNOLOGY RESEARCH. VOLUME 8, ISSUE 10, OCTOBER 2019. 719-728. (Đã xuất bản)
  48. Dương Hữu Tông, Nguyễn Phú Lộc, Bùi Phương Uyên, Thạch Hồng Sơn. 2020. ENHANCING CREATIVE AND CRITICAL THINKING SKILLS OF STUDENTS IN MATHEMATICS CLASSROOMS: AN EXPERIMENTAL STUDY OF TEACHING THE INEQUALITY IN HIGH SCHOOLS. Universal Journal of Educational Research. 8. 477-489. (Đã xuất bản)
  49. Dương Hữu Tông, Nguyễn Phú Lộc, Bùi Phương Uyên, Phạm Hưng Cuong. 2020. APPLYING EXPERIENTIAL LEARNING TO TEACHING THE EQUATION OF A CIRCLE: A CASE STUDY. European Journal of Educational Research. 9. 239-255. (Đã xuất bản)
  50. Dương Hữu Tông, Nguyễn Phú Lộc, Bùi Phương Uyên, Cao Lê Trúc. 2020. A CASE STUDY OF DEVELOPING STUDENTS’ PROBLEM-SOLVING SKILLS THROUGH ADDRESSING REAL-WORLD PROBLEMS RELATED TO FRACTIONS IN PRIMARY SCHOOLS. INTERNATIONAL JOURNAL OF SCIENTIFIC & TECHNOLOGY RESEARCH. 9. 2809-2818. (Đã xuất bản)
  51. Nguyễn Phú Lộc, Dương Hữu Tông, Bùi Phương Uyên, Hà Thiện Ngợi. 2020. A TEACHING PROCESS OF FOSTERING STUDENTS' PROBLEM-SOLVING SKILLS: A CASE STUDY OF TEACHING THE EQUATION OF A LINE. Universal Journal of Educational Research. 8. 1741-1751. (Đã xuất bản)
  52. Nguyễn Phú Lộc, Dương Hữu Tông, Đ. T. Kim Ngân, N.T. Lan Hương, N. T. Nhân, Đ. Thanh Tuấn, Tống T. Thoảng. 2020. TEACHERS' OPINIONS ABOUT USING MULTIPLE-CHOICE QUESTIONS IN THE NATIONAL EXAMINATION OF MATHEMATICS: A SURVEY IN VIETNAM. Universal Journal of Educational Research. 8. 809-814. (Đã xuất bản)
  53. Nguyễn Phú Lộc, Dương Hữu Tông, Nguyen Thi Thu Hai, Huỳnh Minh Nhựt, Võ Hồng Kỳ, Nguyễn Thị Bích Trâm. 2020. STUDENTS’ OPINIONS ON VOCATIONAL GUIDANCE: A CASE STUDY. European Journal of Educational Studies. 6. 143-150. (Đã xuất bản)
  54. Nguyễn Phú Lộc, Dương Hữu Tông, L. T. Dien, N.D. Toan, N.Ho, N.T.Binh. 2020. FACTORS AFFECTING THE ACADEMIC RESULTS OF MASTER STUDENTS IN MATHEMATICS EDUCATION AT CAN THO UNIVERSITY, VIETNAM: A SURVEY STUDY. European Journal of Educational Studies. 6. 84-91. (Đã xuất bản)
  55. Nguyễn Phú Lộc, Lê Việt Minh Triết. 2020. THE STUDENTS' LIMITATIONS IN

- SOLVING A PROBLEM WITH THE AID OF GEOGEBRA SOFTWARE: A CASE STUDY. *Universal Journal of Educational Research*. 8. 3842 - 3850. (Đã xuất bản)
56. Nguyễn Phú Lộc, Ngô Trúc Phương. 2020. USING THE "IDENTIFYING A PATTERN" STRATEGY TO SOLVE MATHEMATICAL WORD PROBLEMS OF PROPORTIONAL QUANTITIES AT GRADE 5 – VIETNAM. *Universal Journal of Educational Research*. 8. 105 - 111. (Đã xuất bản)
  57. Nguyễn Phú Lộc, Ngô Trúc Phương. 2020. SOLVING WORD PROBLEMS INVOLVING "RATIO" CONCEPT OF THE FIFTH - GRADE STUDENTS: A STUDY IN VIETNAM. *Universal Journal of Educational Research*. 8. 2937 - 2945. (Đã xuất bản)
  58. Nguyễn Phú Lộc, Lê Việt Minh Triết. 2020. VIETNAMESE STUDENTS' PERCEPTIONS TOWARD THE USE OF GEOGEBRA IN THE LEARNING OF MATHEMATICS. *IRA-International Journal of Education & Multidisciplinary Studies*. 16. 181-188. (Đã xuất bản)
  59. Nguyễn Phú Lộc, Ngô Trần Thủy Tiên. 2020. APPROACH TO REALISTIC MATHEMATICS EDUCATION IN TEACHING MATHEMATICS: A CASE OF COSINE THEOREM – GEOMETRY 10. *INTERNATIONAL JOURNAL OF SCIENTIFIC & TECHNOLOGY RESEARCH*. 9. 1173-1178. (Đã xuất bản)
  60. Nguyễn Phú Lộc, Mai Tấn Lộc. 2020. USING MIND MAP IN TEACHING MATHEMATICS: AN EXPERIMENTAL STUDY. *INTERNATIONAL JOURNAL OF SCIENTIFIC & TECHNOLOGY RESEARCH*. 9. 1149-1155. (Đã xuất bản)
  61. Lê Thái Bảo Thiên Trung, Nguyễn Phú Lộc, Lê Đỗ Huyền Trang, Vương Vĩnh Phát. 2020. ENHANCING MATHEMATICAL COMMUNICATION IN THE CLASSROOM: A CASE STUDY. *Universal Journal of Educational Research*. 8. 1387 - 1393. (Đã xuất bản)
  62. Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Phú Lộc, Nguyễn Hiếu Tròn. 2020. DISCOVERY LEARNING BASED ON SIMULATION: A CASE OF SURFACES OF REVOLUTION. *Universal Journal of Educational Research*. 8. 3430 - 3438. (Đã xuất bản)
  63. Bùi Phương Uyên, Dương Hữu Tông, Nguyễn Phú Lộc, Lê Nguyễn Phước Thành. 2021. THE EFFECTIVENESS OF APPLYING REALISTIC MATHEMATICS EDUCATION APPROACH IN TEACHING STATISTICS IN GRADE 7 TO STUDENTS' MATHEMATICAL SKILLS. *Journal of Education and e-Learning Research*. 8. 185-197. (Đã xuất bản)
  64. Nguyễn Phú Lộc, Trang Văn Dê, L.V.M. Triet, Nguyen N.M.Thy. 2021. APPLICATION OF THE INTEGRATED APPROACH IN TEACHING GEOMETRIC SEQUENCE TOPIC IN VIETNAMESE SECONDARY SCHOOL: A PEDAGOGICAL EXPERIMENT. *CUKUROVA 7 th INTERNATIONAL SCIENTIFIC RESEARCHES CONFERENCE*. September 7-8, 2021 / Adana, TURKEY. 1-15. (Đã xuất bản)
  65. Ngo T. Hieu, Nguyễn Phú Lộc. 2021. SOLVING REAL-WORLD PROBLEMS IN MATH PROGRAM 10 WITH GEOGEBRA SOFTWARE SUPPORT: A CASE STUDY. *4th International European Conference On Interdisciplinary Scientific Research*. AUGUST 8-9, 2021 / WARSAW, POLAND. 245-251. (Đã xuất bản)
  66. Nguyễn Phú Lộc, Trang Văn Dê, Lê Việt Minh Triết, Nguyễn Phương Thảo, Nguyễn Phạm Phi Oanh. 2022. ACTIVITY THEORY AS A FRAMEWORK FOR TEACHING MATHEMATICS: AN EXPERIMENTAL STUDY. *Heliyon*. 8. 1-11. (Đã xuất bản)
  67. Nguyễn Phú Lộc, Nguyễn Thị Hồng Duyên. 2022. DEVELOPING PRIMARY STUDENTS' UNDERSTANDING OF MATHEMATICS THROUGH MATHEMATIZATION: A CASE OF TEACHING THE MULTIPLICATION OF TWO NATURAL NUMBERS. *European Journal of Educational Research*. 11. 1-16. (Đã xuất bản)

**2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)**

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 00 cấp Nhà nước; 01 cấp Bộ.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

.....

**2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)**

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: ..... sáng chế, giải pháp hữu ích

- Tổng số có: ..... tác phẩm nghệ thuật

- Tổng số có: ..... thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*):

.....

**2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ**

a) Tổng số: 05 NCS đã hướng dẫn (Hướng dẫn chính: 4, Hướng dẫn phụ: 1)

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

1. Lê Viết Minh Triết, Dạy học khám phá hình học 10 dưới sự hỗ trợ của phần mềm toán học động GeoGebra, ĐHSP TP. HCM, 2021, hướng dẫn chính

2. Vương Vĩnh Phát, Phát triển năng lực giao tiếp toán học của học sinh bằng hình thức tranh luận khoa học trong dạy học giải tích ở trung học phổ thông, ĐHSP TPHCM, 2021, hướng dẫn thứ hai

3. Nguyễn Thị Hồng Duyên. Dạy học một số yếu tố về số tự nhiên ở tiểu học theo hướng tiếp cận toán học trong ngữ cảnh, ĐHSP TPHCM, 2021, hướng dẫn chính

3. Các thông tin khác

**3.1. Danh mục các công trình các bài báo khoa học thuộc danh mục Scopus/SCIE chính trong cả quá trình**

<i>ST</i> <i>T</i>	Tên bài báo	Số tác giả	Tá c gi ả ch ín h		Scopus /SCI E	Số	Năm
1	Developing the Competency of Mathematical Modelling: A Case Study of Teaching the Cosine and Sine Theorems	04		International Journal of Learning, Teaching and Educational Research <i>e-ISSN: 1694-2116</i> <i>p-ISSN: 1694-2493</i>	Scopus <i>Q4,</i> <i>H3</i>	Vol. 18, No. 11 18-37	Nov/ 2019
2	Mathematical Representations: A Study in Solving Mathematical Word Problems at Grade 5 - Vietnam	02	X	International Journal of Scientific & Technology Research <i>ISSN 2277-8616</i> <i>(Online)</i>	Scopus <i>Q3,</i> <i>H15</i>	Vol. 8, Issue 10. 1876- 1881	Oct/ 2019
3	Using the Information Processing Theory into Teaching Mathematics: A Case Study of “Vector” Concept	03	X	International Journal of Scientific & Technology Research <i>ISSN 2277-8616</i> <i>(Online)</i>	Scopus <i>Q3,</i> <i>H15</i>	Vol 8 Issue 9 1612- 1616	Sept/ 2019
4	Applying Piaget’s Adaptive Idea In Teaching Mathematics: A Teaching Model	01	X	International Journal of Scientific & Technology Research <i>ISSN 2277-8616</i> <i>(Online)</i>	Scopus <i>Q3,</i> <i>H15</i>	Vol 8 Issue 10 719-728	Oct/ 2019
5	Students’ Social Networking: Current Status And Impact	07	X	International Journal of Scientific & Technology Research <i>ISSN 2277-8616</i> <i>(Online)</i>	Scopus <i>Q3,</i> <i>H15</i>	Vol 8 Issue 12	Dec/ 2019
6	A Teaching Process of Fostering Students' Problem-solving Skills: A Case Study of Teaching the Equation of a Line	4	X	Universal Journal of Educational Research <i>ISSN: 2332-3205</i> <i>(Print),ISSN: 2332-3213 (Online)</i>	Scopus <i>Q4,</i> <i>H3</i>	8(5) 1741- 1751	2020
7	Enhancing Mathematical Communication in the Classroom: A Case	4	X	Universal Journal of Educational Research <i>ISSN: 2332-3205</i>	Scopus <i>Q4,</i> <i>H3</i>	8(4) 1387- 1393	2020



	Study			( <i>Print</i> ), ISSN: 2332-3213 ( <i>Online</i> )				
8	Applying Experiential Learning to Teaching the Equation of a Circle: A Case Study	4		European Journal of Educational Research	Scopus Q3, H5		9(1) 239-255	2020
9	Approach To Realistic Mathematics Education In Teaching Mathematics: A Case Of Cosine Theorem – Geometry 10	02	X	International Journal of Scientific & Technology Research ISSN 2277-8616 ( <i>Online</i> )	Scopus Q3, H15		Vol 9 Issue 4 1173-1178	April/ 2020
10	Using Mind Map In Teaching Mathematics: An Experimental Study	02	X	International Journal of Scientific & Technology Research ISSN 2277-8616 ( <i>Online</i> )	Scopus Q3, H15		Vol 9 Issue 4 1149-1155	April/ 2020
11	Teachers' Opinions about Using Multiple-choice Questions in the National Examination of Mathematics: A Survey in Vietnam	7	X	Universal Journal of Educational Research ISSN: 2332-3205 ( <i>Print</i> ) ISSN: 2332-3213 ( <i>Online</i> )	Scopus Q4, H3		8(3) 809-814	2020
12	Using the "Identifying a Pattern" Strategy to Solve Mathematical Word Problems of Proportional Quantities at Grade 5 – Vietnam	2	X	Universal Journal of Educational Research ISSN: 2332-3205 ( <i>Print</i> ) ISSN: 2332-3213 ( <i>Online</i> )	Scopus Q4, H3		8(1): 105-111	2020
13	Solving Word Problems Involving “Ratio” Concept of the Fifth - Grade Students: A Study in Vietnam	2	X	Universal Journal of Educational Research ISSN: 2332-3205 ( <i>Print</i> ) ISSN: 2332-3213 ( <i>Online</i> )	Scopus Q4, H3		Vol 8, No 7	2020
14	The Students’ Limitations in Solving a Problem with the Aid of GeoGebra Software: A Case Study	2	X	Universal Journal of Educational Research ISSN: 2332-3205 ( <i>Print</i> ) ISSN: 2332-3213 ( <i>Online</i> )	Scopus Q4, H3		Vol 8, No 7	2020

15	Discovery Learning Based on Simulation: A Case of Surfaces of Revolution	3	X	Universal Journal of Educational Research ISSN: 2332-3205 (Print) ISSN: 2332-3213	Scopus Q4, H3		Vol 8, No 8	2020
16	Integrating the History of Mathematics into Mathematics Education: A Case Study of Teaching the Quadratic Equations.	4		Universal Journal of Educational Research ISSN: 2332-3205 (Print) ISSN: 2332-3213 (Online)	Scopus Q4, H3		7(11): 2454- 2462	2019
17	Using Adaptation - based Teaching into Teaching the Parametric Equation of a Straight Line in a Plane.	2	X	International Journal of Scientific & Technology Research ISSN 2277-8616 (Online)	Scopus Q3, H15		Volume 8, Issue 12 2712-2716	Dec/2019
18	Enhancing Creative and Critical Thinking Skills of Students in Mathematics Classrooms: An Experimental Study of Teaching the Inequality in High Schools.	4		Universal Journal of Educational Research ISSN: 2332-3205 (Print) ISSN: 2332-3213 (Online)	Scopus Q4, H3		8(2): 477-489	2020
19	A Case Study Of Developing Students' Problem-Solving Skills Through Addressing Real-World Problems Related To Fractions In Primary Schools.	4		International Journal of Scientific & Technology Research ISSN 2277-8616 (Online)	Scopus Q3, H15		Vol 9, Issue 02 2809-2818	2020
20	The Effectiveness of Applying Realistic Mathematics Education Approach in Teaching Statistics in Grade 7 to Students' Mathematical Skills			Journal of Education and E-Learning Research	Scopus		Vol 8, No2 185-197	2021
21	Developing Primary Students' Understanding of Mathematics through Mathematization: A Case of Teaching the Multiplication of Two Natural Numbers	2		European Journal of Educational Research ISSN: 2165-8714	Scopus Q.3		Vol 11, Issue 1, 1 - 16.	2022

22	Activity theory as a framework for teaching mathematics: An experimental study.	5	X	Heliyon.	SCIE-Scopus Q1		8.1-11	2022
----	---	---	---	----------	----------------	--	--------	------

**3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):**

**3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):**

ORCID: 0000-0003-4785-3257

Google scholar: 359 lượt trích dẫn; H-index: 10

**3.4. Ngoại ngữ**

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh

- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Khá tốt

*Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.*

Cần Thơ, ngày 09 tháng 05 năm 2023

**NGƯỜI KHAI**



GS.TS. NGUYỄN PHÚ LỘC